

Số 1612 -TB/VHLKHxHVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025

Đơn vị được thông báo: Viện Nhà nước và Pháp luật

Mã số chương: 045

Căn cứ Thông tư số 59/2026/TT-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính năm 2025 của Viện Nhà nước và Pháp luật và Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách ngày 15/5/2025 giữa Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Nhà nước và Pháp luật;

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 (không bao gồm chi đầu tư phát triển) của Viện Nhà nước và Pháp luật như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán

a. Thu phí, lệ phí: không có

b. Quyết toán chi ngân sách nhà nước

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 585.300.000 đồng (*Dự dự toán*);
- Dự toán được giao trong năm: 9.648.399.000 đồng (trong đó kinh phí cắt giảm tiết kiệm 10% theo Nghị Quyết 173/NQ-CP là 98.997.000 đồng) trong đó:
 - + *Dự toán giao đầu năm: 9.648.399.000 đồng;*
 - + *Dự toán điều chỉnh tăng trong năm: 0 đồng;*
- Kinh phí thực nhận trong năm: 9.654.702.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 9.654.702.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 98.997.000 đồng.

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 480.000.000 đồng (*Dự dự toán*).

(*Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm*)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

a. Về việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính nhà nước:

Trong năm 2025, Viện Nhà nước và Pháp luật không có nội dung xử lý kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra, Cơ quan tài chính.

b. Tình hình thực hiện kiến nghị tại Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2024 của Viện Hàn lâm: Không có.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

Thuyết minh, đánh giá tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi được giao thực hiện: Đơn vị chi tiêu theo dự toán được phê duyệt và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Số kinh phí Viện Hàn lâm duyệt quyết toán năm 2025: Chi sự nghiệp khoa học (loại 100-102) là 9.654.702.000 đồng (*Bao gồm: kinh phí nhiệm vụ khoa học là 1.619.488.000 đồng, kinh phí chi lương, hoạt động bộ máy và chi khác là 6.995.371.000 đồng, kinh phí không thường xuyên 536.043.000 đồng, kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP là 503.800.000 đồng*);

- Kinh phí chuyển sang năm 2026 là 480.000.000 đồng, bao gồm:

+ Dự toán kinh phí thường xuyên 480.000.000 đồng;

- Thuyết minh về số tăng, giảm lao động trong năm của đơn vị: số lao động có mặt đến ngày 31/12/2025 là 40 người (Trong đó 37 biên chế và 03 hợp đồng lao động). Trong năm 2025, đơn vị giảm 02 viên chức 01 hợp đồng lao động và tăng 02 hợp đồng lao động.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động

1. Ngoài thu hoạt động hành chính, sự nghiệp, trong năm 2025 đơn vị có các khoản thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; hoạt động tài chính gồm:

- Thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (các nhiệm vụ hợp tác với Bộ, ngành, địa phương, thu bán tạp chí): 264.321.097 đồng;

- Thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi): 11.907.555 đồng;

- Thặng dư/Thâm hụt trong năm từ các hoạt động: 297.119.666 đồng, trong đó:

+ Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị: 260.303.602 đồng;

+ Nguồn kinh phí mang sang năm sau: 36.816.064 đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm).

2. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính:

- Số chênh lệch thu, chi (tiết kiệm chi) cuối năm theo cơ chế tài chính của Viện Nhà nước và Pháp luật là: 0 đồng.

3. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương từ các nguồn kinh phí phát sinh tại đơn vị theo quy định (bao gồm nguồn NSNN; nguồn sản xuất kinh doanh dịch vụ và nguồn khác):

- Số dư năm trước chuyển sang: 116.099.000 đồng (40% nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách lương là 41.099.000 đồng và dự dự toán nguồn 13 là 75.000.00 đồng);

- Số trích lập cho cải cách tiền lương trong năm: 36.816.064 đồng;

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 152.915.064 đồng (40% nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách lương là 77.915.064 đồng và dự dự toán nguồn 13 số tiền 75.000.000 đồng).

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

1.1. Báo cáo quyết toán

- Báo cáo quyết toán năm 2025 của đơn vị được lập và báo cáo theo quy định Thông tư số 24/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Đơn vị hoàn thành và nộp Báo cáo quyết toán năm 2025 về Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đảm bảo thời gian quy định của Nhà nước và của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

- Đơn vị đã thực hiện xét duyệt và Thông báo xét duyệt quyết toán tài chính năm 2025 của Trung tâm tư vấn Pháp luật; đồng thời phản ánh số liệu báo cáo tài chính năm 2025 của Trung tâm Tư vấn Pháp luật vào báo cáo tài chính năm của đơn vị.

1.2. Sổ kế toán

Sổ kế toán đơn vị được lập và ghi chép theo năm, sổ được đóng quyển và đã làm các thủ tục cần thiết theo chế độ quy định.

1.3. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí

* Chi sự nghiệp khoa học (loại 100 - 102):

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học:

Số dư tạm ứng năm trước chuyển sang 0 đồng. Dự toán được giao trong năm là 1.684.000.000 đồng. Số kinh phí cắt giảm, kinh phí tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP là 70.812.000 đồng. Số kinh phí đề nghị quyết toán năm 2025 là 1.619.488.000 đồng (*Trong đó kinh phí cấp nhiệm vụ khoa học cấp bộ 963.754.100 đồng, kinh phí hệ nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở 655.733.900 đồng*).

Trong năm 2025, Đơn vị thực hiện 06 nhiệm vụ khoa học cấp bộ (trong đó có 05 nhiệm vụ cấp Bộ thực hiện năm 2025-2026; 01 nhiệm vụ năm 2024-2025) và 01 báo cáo thường niên năm 2025, số kinh phí quyết toán năm 2025 là 963.754.100 đồng, số kinh phí chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2025 là 0 đồng, 02 nhiệm vụ khoa học cấp bộ đã được nghiệm thu và thanh lý. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học cấp bộ về cơ bản chi tiêu theo dự toán đã được Viện Hàn lâm phê duyệt phù hợp với khối lượng công việc hoàn thành.

Về cơ bản kinh phí Hệ nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở (*9 nhiệm vụ*) của đơn vị được chi theo dự toán đã được phê duyệt. Hệ nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở gồm 9 đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý. Kinh phí hệ nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở đề nghị quyết toán là 655.733.900 đồng.

quy định nhà nước hiện hành, số kinh phí chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên đơn vị đã thực hiện trích lập các quỹ.

- *Kinh phí không thường xuyên (Kinh phí chi tạp chí; thông tin, tư liệu thư viện; hoạt động của cổng thông tin điện tử; hội thảo, đoàn vào, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ...):*

Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng; Dự toán được giao trong năm 1.045.178.000 đồng, kinh phí tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP là 5.335.000 đồng. Số kinh phí đề nghị quyết toán là 1.039.843.000 đồng. Số kinh phí đề nghị hủy là 0 đồng. Chi tiết kinh phí không thường xuyên gồm các nội dung sau:

+ Chi website: Số kinh phí đã sử dụng 17.000.000 đồng. Kinh phí website được sử dụng để chi trả thù lao đăng bài lên website và quản trị website. Mức chi cho hoạt động Website thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị.

+ Chi thông tin tư liệu thư viện: số kinh phí đã sử dụng là 45.455.000 đồng. Kinh phí thông tin thư viện được sử dụng để chi mua sách báo tạp chí trong nước, bảo quản kho, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tài liệu và khai thác tư liệu của Thư viện.

+ Chi tạp chí: Số kinh phí đã sử dụng là 205.000.000 đồng để chi cho các hoạt động: nhuận bút, biên tập, đọc duyệt, chế bản, in tạp chí, hiệu đính, chi khác... Về cơ bản kinh phí tạp chí chi theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Trong năm đơn vị đã hoàn thành xuất bản 12 số tạp chí Tiếng Việt theo giấy phép xuất bản. Số lượng xuất bản 4.400 cuốn; số tạp chí biếu tặng, lưu chiều, nộp thư viện 1.728 cuốn (*chiếm tỉ lệ 39,27 %*), số tạp chí phát hành 2.548 cuốn (*chiếm tỉ lệ 57,91%*), số tồn kho 124 cuốn (*chiếm 2,82%*). Trong năm 2025 đơn vị thu tiền bán tạp chí với số tiền là 92.502.914 đồng, đơn vị trích 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương là 36.816.064 đồng. Đối với kinh phí cắt giảm tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại đơn vị thực hiện trích quỹ phát triển sự nghiệp với số tiền là 1.500.000 đồng.

+ Chi tiền thưởng thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: Dự toán được giao trong năm 2024 là 503.800.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện chi tiêu kinh phí tiền thưởng theo quy chế khen thưởng tại đơn vị.

Đơn vị quản lý và sử dụng kinh phí quản lý chung (5%) của các nhiệm vụ khoa học để trả thù lao cho các cá nhân phục vụ, tham gia trong quá trình quản lý triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và trích một phần kinh phí hỗ trợ kinh phí hoạt động bộ máy của đơn vị (*Chi phí công tác hành chính cuộc điện thoại, chuyển phát nhanh....*).

- Kinh phí thường xuyên (chi tiền lương, chi cải cách tiền lương, hoạt động bộ máy):

Số dư năm trước chuyển sang là 579.000.000 đồng (*kinh phí thường xuyên*), số dự toán giao trong năm là 6.919.221.000 đồng, kinh phí tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP là 22.850.000 đồng, số đề nghị quyết toán là 6.995.371.000 đồng, số chuyển sang năm sau là 480.000.000 đồng (*kinh phí thường xuyên nguồn 13*).

+ Chi tiền lương, phụ cấp, tiền công và các khoản đóng góp: Dự toán được giao trong năm: 6.427.221.000 đồng. Đơn vị đã sử dụng để chi lương và các khoản phụ cấp đóng góp theo lương theo quy định. Số quyết toán là 6.379.013.529 đồng. Trong năm 2025, đơn vị có giảm 02 viên chức 01 hợp đồng và tăng 02 lao động hợp đồng. Số kinh phí lương còn dư đơn vị chuyển sang năm 2026 tiếp tục thực hiện. Đơn vị có thực hiện mở sổ kế toán, chi tiền qua tài khoản tiền gửi ngân hàng để theo dõi các khoản thanh toán cho người lao động qua thẻ ATM.

+ Kinh phí cải cách tiền lương: Số dư năm trước chuyển sang là 116.099.000 đồng (*40% nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách lương là 41.099.000 đồng và dự toán nguồn 13 là 75.000.00 đồng*). Số kinh phí thực hiện cải cách tiền lương được giao trong năm là 0 đồng. 40% số thu để lại từ nguồn thu bán tạp chí để thực hiện cải cách tiền lương là 36.816.064 đồng. Số kinh phí cải cách tiền lương đã sử dụng trong năm 0 đồng. Số kinh phí cải cách tiền lương chuyển sang năm 2026 là 152.915.064 đồng (*40% nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách lương là 77.915.064 đồng và dự toán nguồn 13 số tiền 75.000.000 đồng*).

+ Chi hoạt động bộ máy: Về cơ bản nội dung, định mức chi, chứng từ chi tiêu của đơn vị đảm bảo chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ và chi tiêu theo các

+ Đơn vị chi kinh phí Phụ cấp Phòng cháy chữa cháy và Dân quân tự vệ với số tiền là 39.828.000 đồng.

1.4. Quản lý sử dụng tài sản, công nợ, quỹ tiền mặt và các chế độ kế toán khác:

- Quản lý, sử dụng tài sản: Đơn vị đã thực hiện mở sổ theo dõi quản lý tài sản theo quy định, tài sản mua sắm đã được ghi tăng tài sản cố định. Cuối năm có thực hiện kiểm kê tài sản và trích hao mòn theo quy định. Đơn vị đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý tài sản công theo quy định (Quyết định số 239/QĐ-NNPL ngày 21 tháng 7 năm 2022).

- Quản lý công nợ: Đơn vị đã theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả. Cuối năm không có công nợ tồn đọng.

- Quản lý quỹ tiền mặt: Đơn vị thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt theo năm và ghi chép sổ quỹ tiền mặt theo quy định.

- Về chế độ bảo hiểm xã hội: Đơn vị thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội theo quy định, hàng tháng có thực hiện đối chiếu số liệu với bảo hiểm xã hội.

- Thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác: Đơn vị đã thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân và làm báo cáo quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2025 theo quy định.

- Về công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện tự kiểm tra tài chính và có biên bản theo quy định.

- Về công tác công khai tài chính: Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách được giao năm 2025 và quyết toán ngân sách năm 2024 được phê duyệt theo các biểu mẫu quy định và bằng hình thức vừa thông báo trong các cuộc họp vừa thông báo trên bảng tin của đơn vị. Đơn vị đã thực hiện đăng tải báo cáo công khai tài chính trên website của đơn vị.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: Đơn vị thực hiện tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP, trong năm 2025 đơn vị đã tiết giảm được các khoản chi tiêu hoạt động để trích lập các quỹ với số tiền là 250.000.000 đồng (Trong đó, Quỹ khen thưởng là 25.000.000 đồng, Quỹ phúc lợi 25.000.000

đồng, Quỹ bổ sung thu nhập: 162.500.000 đồng; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 37.500.000 đồng).

1.5. Tình hình thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí

Theo báo cáo của Viện Nhà nước và Pháp luật, để thực hiện có hiệu quả công tác thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí Viện Nhà nước và Pháp luật thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện công khai minh bạch trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, công quỹ tài sản như tiết kiệm nhiên liệu, điện, hạn chế các khoản chi như hội nghị, hội thảo, công tác phí, vật tư văn phòng phẩm, thông tin liên lạc.

Các định mức chi tiêu và tiêu chuẩn, chế độ chi phù hợp với các quy định của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Đơn vị lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán kinh phí NSNN theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành của Nhà nước và đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Đơn vị thực hiện đúng các quy định về luật đấu thầu để mua sắm hàng hóa, tài sản, vật tư văn phòng.

Thực hiện tốt các nội quy, quy định về kỷ luật lao động và các quy định về sử dụng thời gian lao động.

Định kỳ kết thúc năm tài chính đơn vị thường tổ chức công tác đánh giá, tự kiểm tra tài chính với giám sát và phối hợp của Ban thanh tra nhân dân, Ban chấp hành công đoàn, Chi ủy chi bộ để thực hiện thu chi ngân sách nhà nước được đảm bảo theo đúng quy định.

Trong năm 2025, đơn vị thực hiện cắt giảm tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP với số tiền là 98.997.000 đồng. Trong năm đơn vị thực hiện tiết kiệm các khoản chi tiêu, cuối năm tài chính đơn vị có kinh phí tiết kiệm và được trích lập quỹ, số kinh phí tiết kiệm từ nguồn NSNN với số tiền là 250.000.000 đồng.

2. Kiến nghị

- Đơn vị chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí, tính chính xác, hợp pháp, đầy đủ của số liệu trong báo cáo quyết toán và các chứng từ chi tiêu của đơn vị.

- Đơn vị có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Lưu VT, Ban KHTC.

**T/L. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN
BAN KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



Nguyễn Mạnh Quân

(Kèm theo Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)

ĐƠN VỊ: VIỆN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

BỐI CHIẾU SƠ LƯỢC

Phụ lục số 02

STT	Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	D	I	2	3=2-I
I	DOANH THU	400		9.825.630.652	9.825.630.652	
1.1	Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp	411	IV.1	9.549.402.000	9.549.402.000	
1.2	Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài	412	IV.2		-	-
1.3	Doanh thu từ phí được khấu trừ, dễ lại	413	IV.3		-	-
1.4	Doanh thu tài chính	414	IV.4	11.907.555	11.907.555	
1.5	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	415	IV.5		-	-
1.6	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	416	IV.6	264.321.097	264.321.097	
	- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	417		171.818.183	171.818.183	
	- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ	418		92.502.914	92.502.914	
1.7	Thu nhập khác	419	IV.7		-	-
2	Chi phí	450		9.704.374.962	9.704.374.962	
2.1	Chi phí hoạt động không giao tự chủ	451	IV.8	1.111.861.826	1.111.861.826	
2.2	Chi phí hoạt động giao tự chủ	452	IV.9	8.364.859.000	8.364.859.000	
2.3	Chi phí tài chính	453	IV.10	3.353.769	3.353.769	
2.4	Giá vốn hàng bán	454	IV.11		-	-
2.5	Chi phí bán hàng	455	IV.12		-	-
2.6	Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	456	IV.13	224.300.367	224.300.367	
2.7	Chi phí khác	457	IV.14		-	-
2.8	Chi phí tài sản bán giao	458	IV.15		-	-
3	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	460	IV.16	1.454.850	1.454.850	
4	Kết quả hoạt động trong năm	500		119.800.840	119.800.840	
5	Điều chỉnh KQHD do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước	510	IV.17	177.318.826	177.318.826	
6	Thặng dư/thâm hụt trong năm	520		297.119.666	297.119.666	
	- Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị	521		260.303.602	260.303.602	
	- Nguồn kinh phí mang sang năm sau	522	IV.19	36.816.064	36.816.064	
	-Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau	525	IV.20		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thị Kim Giang

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI
BAN KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
TRƯỜNG BAN

Nguyễn Mạnh Quân

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÀN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ: VIỆN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

(Kèm theo Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 ngày tháng năm 2026 của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)

Phần I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Chỉ tiêu	NỘI DUNG		Mã số	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
	A	B		1	2	3 = 2-1	4	5	6 = 5-4
	A. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
	THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TRUNG ƯƠNG								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	(101=102+105)	101	585.300.000	585.300.000	-	585.300.000	585.300.000	-
1.1	Kinh phí được giao từ chủ	(102=103+104)	102	585.300.000	585.300.000	-	585.300.000	585.300.000	-
	- Kinh phí đã nhận		103	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		104	585.300.000	585.300.000	-	585.300.000	585.300.000	-
1.2	Kinh phí không được giao từ chủ	(105=106+107)	105	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận		106	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		107	-	-	-	-	-	-
2	Dự toán được giao trong năm	(108=109+110)	108	9.648.399.000	9.648.399.000	-	9.648.399.000	9.648.399.000	-
	- Kinh phí được giao từ chủ		109	8.603.221.000	8.603.221.000	-	8.603.221.000	8.603.221.000	-
	- Kinh phí không được giao từ chủ		110	1.045.178.000	1.045.178.000	-	1.045.178.000	1.045.178.000	-
3	Tổng số được sử dụng trong năm	(111=112+113)	111	10.233.699.000	10.233.699.000	-	10.233.699.000	10.233.699.000	-
	- Kinh phí được giao từ chủ	(112=102+109)	112	9.188.521.000	9.188.521.000	-	9.188.521.000	9.188.521.000	-
	- Kinh phí không được giao từ chủ	(113=105+110)	113	1.045.178.000	1.045.178.000	-	1.045.178.000	1.045.178.000	-
Tổng số									
Loại 100-102									

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	NỘI DUNG					Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Loại 100-102
		Tổng số								
A	B	I	2	3 =2-1	4	5	6 =5-4			
4	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+116)	114	9.654.702.000	9.654.702.000	-	9.654.702.000	-			
		115	8.614.859.000	8.614.859.000	-	8.614.859.000	-			
		116	1.039.843.000	1.039.843.000	-	1.039.843.000	-			
		117	9.654.702.000	9.654.702.000	-	9.654.702.000	-			
		118	8.614.859.000	8.614.859.000	-	8.614.859.000	-			
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	119	1.039.843.000	1.039.843.000	-	1.039.843.000	-			
		120	98.997.000	98.997.000	-	98.997.000	-			
		121	93.662.000	93.662.000	-	93.662.000	-			
		122	-	-	-	-	-			
		123	-	-	-	-	-			
6	Kinh phí giảm trong năm (120=121+125)	124	93.662.000	93.662.000	-	93.662.000	-			
		125	93.662.000	93.662.000	-	93.662.000	-			
		126	-	-	-	-	-			
		127	-	-	-	-	-			
		128	5.335.000	5.335.000	-	5.335.000	-			
6.2	Kinh phí không được giao từ chủ (125=126+127+128)	129	5.335.000	5.335.000	-	5.335.000	-			
		130	5.335.000	5.335.000	-	5.335.000	-			
		131	-	-	-	-	-			
		132	5.335.000	5.335.000	-	5.335.000	-			
		133	5.335.000	5.335.000	-	5.335.000	-			
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (129=130+133)	134	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
		135	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
		136	-	-	-	-	-			
		137	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
		138	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
7.1	Kinh phí được giao từ chủ (130=131 + 132)	139	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
		140	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
		141	-	-	-	-	-			
		142	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			
		143	480.000.000	480.000.000	-	480.000.000	-			

Chỉ tiêu	NỘI DUNG	Mã số	Tổng số				Loại 100-102		
			Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	
A	B		1	2	3 = 2-1	4	5	6 = 5-4	
7.2	Kinh phí không được giao từ chủ (133=134+135)	133	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	134	-	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	135	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]



Bà: Thị Kim Giang

NGƯỜI LẬP BIỂU

BAN KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

TRƯỜNG BAN

T/L CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quân



7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ôn	162.500.000	162.500.000	0	162.500.000	162.500.000	0	0	0
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0	0	0
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0	0	0
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	37.500.000	37.500.000	0	37.500.000	37.500.000	0	0	0
6200	Tiền thưởng	503.800.000	503.800.000	0	503.800.000	503.800.000	0	0	0
6201	Thưởng thường xuyên	503.800.000	503.800.000	0	503.800.000	503.800.000	0	0	0
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	18.532.800	18.532.800	0	18.532.800	18.532.800	0	0	0
6449	Chi khác	18.532.800	18.532.800	0	18.532.800	18.532.800	0	0	0
6550	Vật tư văn phòng	25.622.150	25.622.150	0	25.622.150	25.622.150	0	0	0
6551	Văn phòng phẩm	7.694.150	7.694.150	0	7.694.150	7.694.150	0	0	0
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	8.424.000	8.424.000	0	8.424.000	8.424.000	0	0	0
6599	Vật tư văn phòng khác	9.504.000	9.504.000	0	9.504.000	9.504.000	0	0	0
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.850.692	6.850.692	0	6.850.692	6.850.692	0	0	0
6603	Cước phí bưu chính	2.656.692	2.656.692	0	2.656.692	2.656.692	0	0	0
6649	Khác	4.194.000	4.194.000	0	4.194.000	4.194.000	0	0	0
6700	Công tác phí	3.300.000	3.300.000	0	3.300.000	3.300.000	0	0	0
6702	Phụ cấp công tác phí	1.800.000	1.800.000	0	1.800.000	1.800.000	0	0	0
6703	Tiền thuê phòng ngủ	1.500.000	1.500.000	0	1.500.000	1.500.000	0	0	0
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	468.764.290	468.764.290	0	468.764.290	468.764.290	0	0	0
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	72.023.840	72.023.840	0	72.023.840	72.023.840	0	0	0
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	12.871.200	12.871.200	0	12.871.200	12.871.200	0	0	0
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	383.869.250	383.869.250	0	383.869.250	383.869.250	0	0	0
7750	Chi khác	2.973.068	2.973.068	0	2.973.068	2.973.068	0	0	0
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	2.973.068	2.973.068	0	2.973.068	2.973.068	0	0	0
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	10.000.000	0	0	0
7851	Chi mua bảo, tập chi của Đảng	0	0	0	0	0	0	0	0
7852	Chi tổ chức đại hội Đảng	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	10.000.000	0	0	0